

**KẾ HOẠCH GIÁO CHĂM SÓC - NUÔI DƯỠNG - GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ Điều lệ trường mầm non ban hành tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT;

Căn cứ CTGDMN ban hành theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi bổ sung một số nội dung chương trình giáo dục mầm non ban hành theo thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009/TT-BGDĐT đã được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo.

Căn cứ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024- 2025 của GDMN, GDPT và GDTX tỉnh Nam Định.

Căn cứ kế hoạch số 1165/KH-SGDĐT của Sở GD&ĐT Nam Định ngày 11/08/2021 về triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ hướng dẫn số 388/PGDĐT-GDMN ngày 05/9/2024 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2024-2025.

Thực hiện kế hoạch số 118/KH-TrMN ngày 16 tháng 9 năm 2024 của trường mầm non Nam Hùng, năm học 2024 - 2025

Căn cứ vào tình hình thực tế của đội ngũ giáo viên, nhân viên, trường mầm non Nam Hùng xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024-2025 cho các độ tuổi như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của PGD&ĐT Huyện Nam Trực, cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và các bậc cha mẹ học sinh.

- Năm học 2024 – 2025 trường mầm non Nam Hùng đã được UBND tỉnh Nam Định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; chuẩn xanh – sạch – đẹp – an toàn và kiểm định chất lượng mức độ 1.

- Trường có đủ các phòng học cho 12/12 nhóm lớp.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, luôn gắn bó với nghề và quan tâm đến công tác chăm sóc giáo dục toàn diện cho trẻ.

- Nhà trường có 96,3% cán bộ, giáo viên đạt trình độ Sư phạm mầm non chuẩn và trên chuẩn

- 12/12 nhóm, lớp được cha mẹ học sinh mua sắm đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu phục vụ cho việc CSNDGD trẻ.

2. Khó khăn:

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp còn thấp.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tổ chức các hoạt động của một số giáo viên cao tuổi trong tổ còn hạn chế.
- Một số phụ huynh còn đi làm ăn xa, làm công nhân để con ở nhà với ông bà nên việc phối kết hợp với cha mẹ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho trẻ còn gặp khó khăn.

II. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

1. Mục tiêu chung

Đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội, và thẩm mỹ theo Chương trình giáo dục mầm non.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu chăm sóc nuôi dưỡng và sức khỏe

a. Nuôi dưỡng:

- 100% trẻ đến trường được nuôi ăn bán trú. Trẻ nhà trẻ ăn 03 bữa: 02 bữa chính, 01 bữa phụ; Trẻ mẫu giáo ăn 01 bữa chính, 01 bữa phụ theo đúng thời gian quy định.

- Trẻ ăn hết xuất, ăn đầy đủ các loại thức ăn có 4 loại chất dinh dưỡng.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, đồ dùng ăn, ngủ, thường xuyên vệ sinh lớp học, giá đồ dùng, đồ chơi đảm bảo an toàn sạch sẽ.

b. Chăm sóc và sức khỏe

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về tinh thần, tinh mạng, sức khỏe, về an toàn vệ sinh thực phẩm khi đến trường.

- Trẻ được yêu thương, chăm sóc đối xử bình đẳng.

- Cung cấp đủ nước uống cho trẻ mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Nước uống, nước dùng sinh hoạt luôn đảm bảo vệ sinh theo quy định của Bộ y tế.

- 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe 2 lần/năm:

- + Lần 1: Tháng 9/2024

- + Lần 2: Tháng 5/2025

- 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quý.

- Cân đo 4 lần/năm (tháng 9, 12, 3, 5)

- Phần đầu giảm tỉ lệ trẻ thừa cân, béo phì và thấp còi xuống dưới 3%.

2.2. Nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Tổ chức bữa ăn:

*** Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:**

- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày:

+ Trẻ nhà trẻ là: 930 - 1000 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của một trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 600 - 651Kcal.

+ Trẻ mẫu giáo là: 1230 - 1320 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của một trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

*** Số bữa ăn tại trường mầm non:**

+ Trẻ nhà trẻ: Ăn 02 bữa chính và 01 bữa phụ.

+ Trẻ mẫu giáo: Ăn 01 bữa chính và 01 bữa phụ.

- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:

+ Trẻ nhà trẻ: Bữa buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% - 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Trẻ mẫu giáo: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% - 25% năng lượng cả ngày.

- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

*** Trẻ nhà trẻ:**

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần.

- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

Trẻ mẫu giáo:

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

b. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc ngủ trưa khoảng 150 phút.

- Duy trì việc đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Tiếp tục làm tốt công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng và tuyên truyền về đổi mới giáo dục Mầm non.

- Xây dựng thực đơn (chế độ ăn), khẩu phần dinh dưỡng ăn phù hợp với độ tuổi đủ năng lượng, đủ chất và cân đối giữa tỷ lệ đạm.

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh nhóm, lớp, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng chống các bệnh thường gặp.
- Bảo vệ an toàn và phòng chống một số tai nạn thường gặp.

2.3. Giáo dục

2.3.1. Độ tuổi 24 - 36 tháng tuổi

a. Phát triển thể chất.

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản và vận động tinh theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- Biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.

b. Phát triển nhận thức.

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: Màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.

c. Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu bản thân.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ, và ngữ điệu của lời nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

d. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- Biết thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp và thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- Biết thực hiện một số kỹ năng sống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

3. NỘI DUNG, MỤC TIÊU GIÁO DỤC

3.1. Mục tiêu, nội dung thực hiện chương trình

a. Nhóm 24-36 tháng tuổi

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Giáo dục Phát triển thể chất	1	a. Phát triển vận động - Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng, bụng lườn và chân.	a. Phát triển vận động - Thực hiện các động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng, bụng lườn và chân.
	2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua vật cản - Đi trong đường ngoằn ngoèo - Đi có mang vật trên tay - Đi có mang vật trên đầu. - Đi đều bước - Đi theo nhịp. - Đi kiễng chân - Đi kiễng chân tay giữ vật đầu - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co 1 chân
	3	+ Trẻ biết phối hợp vận động tay mắt, tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	- Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng hai tay từ phía dưới, tung cao khoảng 30-35 cm.
	4	+ Trẻ biết ném vào đích ngang (xa 1-1,2m)	- Ném bóng vào đích + Ném vào đích ngang (xa 1-1,2m)
	5	+ Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được	- Bò theo thẳng hướng và có vật trên lưng

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		vật đặt trên lưng.	- Bò chui qua cổng. - Bò chui qua cổng, trườn về đích. - Bò trong đường hẹp 35-40 cm có mang vật trên lưng. - Bò cao theo hướng zích zắc - Bò cao bằng bàn tay và bàn chân. - Bò qua vật cản - Trườn đến đích - Trườn dưới vật cao 30-35 cm - Trườn chui qua cổng.
	6	+ Trẻ biết cách bật	+ Bật tại chỗ
	7	+ Trẻ biết dùng sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay...	+ Bật qua vạch kẻ - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích nằm ngang xa 0,7 - 1m, đường kính 50cm. - Nhảy xa bằng hai chân. - Nhảy xa bằng hai chân, ném bóng trúng đích nằm ngang. - Nhảy xa, đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,m - Trèo lên xuống bục cao 25cm.
	8	+ Trẻ biết thực hiện vận động, cử động cả bàn tay, ngón tay – thực hiện (múa khéo).	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
	9	+ Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	+ Đóng cọc bàn gỗ + Nhón nhặt đồ vật + Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây + Chắp ghép hình + Chồng, xếp 6 – 8 khối + Tập cầm bút tô, vẽ + Lật mở trang sách
	10	- Trẻ biết nhảy 1 số vũ điệu đơn giản	- Dạy trẻ nhảy 1 số vũ điệu với các bài hát có trong chủ đề tương ứng theo lứa tuổi của trẻ
		b. Dinh dưỡng và sức khỏe	b. Dinh dưỡng và sức khỏe

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	11	- Cân nặng của trẻ 36 tháng: Bé trai từ 11,3 - 18,3kg: Bé gái từ 10,8 - 18,1 kg	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối cân nặng.
	12	- Chiều cao của trẻ 36 tháng: Bé trai từ 88,7 - 103,5 cm: Bé gái từ 86,4 - 102,7.	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối chiều cao
	13	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Luyện tập nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
	14	- Ngủ 1 giấc buổi chưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
	15	- Làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (tự xúc cơm ăn, lấy nước uống, cài cúc áo, đi vệ sinh)	- Làm quen với 1 số việc tự phục vụ + Xúc cơm, uống nước + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ
	16	- Trẻ biết nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh .	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
	17	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	18	- Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi đi ra nắng, đi dày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Rèn 1 số thói quen đi ra ngoài nắng phải đội mũ nón và ăn mặc quần áo theo mùa.
	19	- Trẻ biết thực hiện được 1 số việc tự phục vụ, giữ gìn vệ sinh, giữ gìn sức khỏe. Thực hiện các biện pháp chống dịch cho bản thân . và bảo vệ tính mạng	- Tập 1 số thao tác đơn giản trong khi rửa tay bằng xà phòng đúng cách, thực hiện các dung dịch khử khuẩn; lau mặt, giữ gìn vệ sinh môi trường và thân thể luôn sạch sẽ, không khạc nhổ bừa bãi; thường xuyên mang khẩu trang đúng cách khi đi ra ngoài - Tập đội mũ bảo hiểm
	20	- Trẻ có hiểu biết về 1 số vật dụng nguy hiểm và biết tránh	- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	21	một số vật dụng nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết được 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) và biết cách phòng tránh khi được nhắc nhở.	không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
2. Giáo dục Phát triển nhận thức	22	2. Phát triển nhận thức + Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm... để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của đối tượng. (áp dụng STEAM)	2. Phát triển nhận thức + Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật + Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn, (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - nậm – chua) - Tên gọi, hoạt động của một số địa điểm nơi công cộng gần gũi như: Trường học, Nhà văn hoá...
	23	- Trẻ có khả năng chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được 1 số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (áp dụng STEAM)	- Tìm đồ vật vừa mới cất dấu. - Chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi - Sử dụng được 1 số đồ dùng, đồ của bản thân, của nhóm lớp.
	24	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. (áp dụng STEAM)	- Nhận biết tên một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	25	- Trẻ nói được tên và 1 số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc khi được hỏi (áp dụng STEAM)	- Tên, chức năng một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, tai, chân... - Trẻ biết được tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen (áp dụng

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	26	- Trẻ kể được tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh (áp dụng STEAM)	STEAM) - Tên gọi, hoạt động của một số địa điểm nơi công cộng gần gũi như: Trường học; Trạm y tế.... - Nhận biết ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm học (Ngày khai giảng, Tết trung thu, Ngày 20/11, Tết Nguyên Đán)
	27	- Trẻ biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. (áp dụng STEAM)	- Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	28	- Trẻ biết được tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật, (áp dụng STEAM)	- Nhận biết tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật
	29	- Trẻ biết được tên và 1 số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc. (áp dụng STEAM)	- Nhận biết tên và 1 số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc.
	30	- Trẻ biết, chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đồ chơi màu: Xanh, đỏ, vàng, ... theo yêu cầu (áp dụng STEAM)	- Nhận biết một số màu cơ bản: Xanh, đỏ, vàng... - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp.
	31	- Trẻ biết, chỉ/lấy tên hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu. (áp dụng STEAM)	- Nhận biết kích thước to, nhỏ. - Số lượng một - nhiều. - Hình tròn, hình vuông
	32	- Trẻ biết được tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình.	- Kể tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình.
	33	- Trẻ biết được tên của cô giáo và các bạn trong lớp.	- Kể tên của cô giáo và các bạn trong lớp
3. Giáo dục Phát triển ngôn ngữ	34	3. Phát triển ngôn ngữ - Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”!	3. Phát triển ngôn ngữ - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện các yêu

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	35	- Trẻ biết trả lời các câu hỏi “Ai đây, cái gì đây?.....	câu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: “Cái gì? Làm gì? Để làm gì? ở đâu?
	36	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện tranh hoạt hình e-book	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. Và truyện tranh hoạt hình về ATGT - Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật
	37	- Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp - Nghe và trả lời 1 số câu hỏi đơn giản.
	38	- Trẻ biết đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. - Trẻ biết đọc được bài thơ ca dao, đồng dao về PTGT	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về PTGT
	39	- Trẻ thể hiện được nhu cầu mong muốn của bản thân.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng những câu đơn giản và câu dài.
	40	- Trẻ biết nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc.	- Kể lại đoạn chuyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý.
	41	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau .	- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.
	42	+ Trẻ biết chào hỏi, trò chuyện	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi giao tiếp với người lớn.
	43	+ Trẻ thích hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây? Cái gì đây?..	- Xem tranh ảnh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Lắng nghe khi người lớn đọc sách
	44	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép	- Trẻ sử dụng từ khi giao tiếp: nói to, đủ nghe, lễ phép.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
4. Giáo dục Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Phát triển tình cảm <i>Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</i>	4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Phát triển tình cảm <i>Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</i>
	45	+ Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	+ Nhận biết tên gọi, 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân
	46	+ Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên	+ Thể hiện điều mình thích và không thích - Một số đồ dùng, đồ chơi mà mình thích hoặc không thích - Một số loại hoa quả, rau củ mà mình thích hoặc không thích
		<i>Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</i>	<i>Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</i>
	47	+ Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	+ Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
	48	+ Giao tiếp với những người xung quanh	+ Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói
	49	- Trẻ biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận
	50	- Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Trẻ thể hiện được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi
	51	+ Trẻ bộc lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc gần gũi: bắt chước tiếng kêu gọi...	+ Quan tâm đến các vật nuôi + Bắt chước tiếng kêu của các con vật.
		- Phát triển kỹ năng xã hội	- Phát triển kỹ năng xã hội
	52	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn
	53	+ Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn nghe điện thoại...) .(áp	+ Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	54	dụng STEAM) - Trẻ thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn.	+ Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở lớp: xếp hàng, chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
	55	- Phát triển cảm xúc thẩm mỹ + Trẻ biết hát và tập vận động đơn giản theo một số bài hát bản nhạc quen thuộc.	- Phát triển cảm xúc thẩm mỹ + Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ. + Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc
	56	+ Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh, di màu, vẽ nguệch ngoạc. (áp dụng STEAM) + Thích xem tranh	+ Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, + Xem tranh

2. Độ tuổi 3 - 4 tuổi

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Giáo dục phát triển thể chất		1. Phát triển thể chất a. Phát triển vận động	a. Phát triển vận động
	1	- Thực hiện được đầy đủ, đúng các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, tay, chân bụng, lườn.
	2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động:	- Đi kiễng gót - Đi chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt - Đi bước dồn ngang - Đi trong đường hẹp - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi trong đường đích đặt - Bật nhảy tại chỗ. - Bật về trước - Bật nhảy qua dây - Bật xa 20 - 25cm

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	3	- Trẻ kiểm soát được vận động:	- Bật sâu 10 – 15cm. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường đích đặt - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt - Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng - Chạy nhanh 10 -12 m - Chạy liên tục trong đường đích đặt (3 - 4 điểm đích đặt) không chệch ra ngoài.
	4	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:	- Lăn, đập, tung bóng với cô - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Chuyển bóng hai bên theo hàng ngang và hàng dọc
	5	- Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo léo các bài tập tổng hợp.	- Bò theo hướng thẳng, tung bóng cho cô. - Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10 m - Bò bằng bàn tay, bàn chân, ném xa bằng 1 tay. - Bò chui qua cổng, bật tiến về phía trước 3-4 bước. - Bò theo đường đích đặt, lăn bóng về đích. - Trườn về phía trước, bật sâu 15 cm - Trườn theo hướng thẳng, ném trúng đích nằm ngang. - Bước lên , xuống bục cao (cao 30 cm), tung bóng lên cao bằng 2 tay. - Trườn chui qua cổng, bật xa

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	6	- Thực hiện được vận động	25 cm.. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m), bật qua dây.
	7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối khác nhau. - Tự cài, cởi cúc. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút, đan tết. - Tô vẽ nghệch ngoạc.
	8	b. Dinh dưỡng sức khỏe - Cân nặng của trẻ 3 tuổi: Bé trai 12,9 đến 20,8 kg, Bé gái cân nặng từ 12,6 đến 20.7	b. Dinh dưỡng sức khỏe - Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối về cân nặng
	9	- Chiều cao của trẻ 3 tuổi: Bé trai từ 94,4 đến 111,5 : Bé gái từ 93,5 đến 109,6 cm	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh
	10	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) (áp dụng STEAM)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc quen thuộc
	11	- Biết được tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau.....) (áp dụng STEAM)	- Nhận biết một số món ăn hàng ngày, lợi ích của việc ăn uống đủ chất và đủ lượng. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	12 13 14 15 16	- Trẻ biết ăn để chóng lớn và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: rửa tay, lau mặt, xúc miệng, tháo tất, cởi quần áo.. ...) (áp dụng STEAM) - Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi - Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: + Vệ sinh răng miệng, mắt, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. + Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông	phì) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của bữa ăn đủ lượng, đủ chất và chấp nhận ăn đa dạng các loại thức ăn. Ăn hết xuất.. - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tập tháo tất, thay quần áo - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ vệ sinh. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước đúng cách. - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Uống nước đã đun sôi, Mời trước khi ăn, không nói chuyện trong khi ăn. - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Vệ sinh răng miệng, mắt, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm và đi tất khi trời lạnh, đi dép đi giày khi đi học... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm đối với việc giữ gìn sức khỏe con người. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, bị đau, chảy máu.
	17	Trẻ biết thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19 để đảm bảo an toàn cho bản thân.	- Dạy trẻ biết giữ gìn bảo vệ môi trường và thân thể luôn sạch sẽ, không khạc nhổ bừa bãi; thường xuyên mang khẩu trang đúng cách; biết thường xuyên rửa tay bằng xà phòng đúng cách và biết thực hiện sát

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			dung dịch khử khuẩn.
	18	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, kim khâu....)
	19	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi, bếp than, khu vực đang xây dựng...) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ.
	20	- Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. .	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm + Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc ăn những loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo bàn ghế + Không nghịch các vật sắc nhọn + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người đến giúp đỡ.
2. Giáo dục phát triển nhận thức		2. Phát triển nhận thức	2. Phát triển nhận thức
	21	a. KPKH - Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng	a. KPKH - Quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về Các sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ.
	22	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ....để nhận ra đặc điểm của chúng (áp dụng STEAM)	- Nhận biết chức năng của các giác quan và 1 số bộ phận khác của cơ thể.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	23	- Trẻ biết làm các thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Làm thí nghiệm: Vật nào nổi, vật nào chìm, sự bay hơi của nước...
	24	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với trẻ về đối tượng
	25	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật (áp dụng STEAM)	- Phân loại đồ vật, cây, con vật, hoa quả, phương tiện giao thông.....theo 1 dấu hiệu nổi bật
	26	- Nhận ra 1 vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	- Quan sát các hiện tượng, sự vật quen thuộc và nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
	27	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo (áp dụng STEAM) - Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh - Một số nguồn nước, nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Một số dấu hiệu nổi bật của

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	28	- Trẻ biết thể hiện 1 số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.....	ngày và đêm. - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề; vẽ, hát...về các đối tượng trẻ đã được quan sát.
		c. Làm quen với toán	c. Làm quen với toán
	29	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- Hay dùng các câu hỏi: Có mấy? Đây là mấy? - Dùng các ngón tay để biểu thị số lượng.
	30	- Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm các đối tượng giống nhau và trong phạm vi 5 theo khả năng.
	31	- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi - Thêm bớt trong phạm vi 5
	32	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
	33	- Biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
	34	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ
	35	- Biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn - nhỏ hơn, dài hơn - ngắn hơn, cao hơn - thấp hơn, bằng nhau .	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn - nhỏ hơn, dài hơn - ngắn hơn, cao hơn - thấp hơn, bằng nhau .
	36	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật (áp dụng STEAM)	- Nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép
	37	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		c. Khám phá xã hội	c. Khám phá xã hội
	38	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được trò chuyện	- Giới thiệu về mình, tên, tuổi, giới tính của bản thân.
	39	- Trẻ nói được tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình	- Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình
	40	- Trẻ biết địa chỉ của gia đình khi được hỏi và trò chuyện.	- Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình - Địa chỉ của gia đình.
	41	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Xem tranh, ảnh, trò chuyện về cô giáo, tên cô giáo tên trường, lớp mẫu giáo và công việc của cô bác trong trường MN - Quan sát các khu vực trong lớp, ở trường. - Xem tranh, ảnh, trò chuyện về tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
	42	- Trẻ kể tên và nói được số sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh (áp dụng STEAM)	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của 1 số nghề phổ biến
	43	- Trẻ kể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết trung thu, qua trò chuyện, tranh ảnh...	- Tên, ý nghĩa 1 số ngày lễ hội trong năm học: Ngày quốc khánh, Tết trung thu, Tết nguyên đán, Ngày khai giảng...
	44	- Trẻ kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa. - Tổ chức đi tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của địa phương: Chùa Già Độ, chùa Linh Quang. Đền Quang Trạng Vũ Tuấn Chiêu, Đình Bù Đề... - Xem tranh ảnh, trò chuyện về ngày lễ hội qua tranh.
3. Giáo		3. Phát triển ngôn ngữ	3. Phát triển ngôn ngữ

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
dục phát triển ngôn ngữ	45	*Nghe: - Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản: VD “cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo một số yêu cầu đơn giản.
	46	- Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: quần áo, đồ chơi, hoa, quả....	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc ...
	47	- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - - - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu đơn mở rộng. tuổi.
		* Nói:	
	48	- Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt
	49	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...(áp dụng STEAM)	- Sử dụng được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	50	- Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu đơn mở rộng.
	51	- Trẻ biết kể lại được các sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. - Kể lại sự việc
	52	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... .	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
		- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, về phương tiện và luật lệ giao thông	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	53	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về phương tiện và luật lệ giao thông - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
	54	- Trẻ bắt chước giọng nói của các nhân vật trong câu chuyện...	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
	55	- Trẻ biết sử dụng được các từ: Vâng, dạ, thưa... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	56	- Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	57	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự mở sách xem tranh	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn sách - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện.
	58	- Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống
	59	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. - Trẻ biết phim hoạt hình, truyện tranh e-book về giáo dục an toàn giao thông; cách khai thác phim và e-book	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật trong tranh. - Trẻ xem phim hoạt hình, truyện, tranh e-book về an toàn giao thông nhân vật Bo, Ben, Bi - Tìm hiểu phim hoạt hình, truyện tranh e-book về giáo

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	60	- Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	dục an toàn giao thông. - Làm quen với cách đọc và cách viết Tiếng Việt. Trẻ vẽ, viết nguệch ngoạc
4. Giáo dục Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	61	4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Tên tuổi, giới tính
	62	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
	63	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chủ động, hăng hái trong các hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin khi trả lời câu hỏi
	64	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	- Thực hiện các công việc đơn giản.
	65	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
	66	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
	67	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Xem tranh ảnh, video về Bác Hồ.
	68	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, về quê hương đất nước.	- Nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ,, về quê hương đất nước. - Quan tâm đến cảnh đẹp lễ hội quê hương đất nước.
	69	- Thực hiện được một số quy định: + Thực hiện được một số quy định ở trường, lớp không tranh giành đồ chơi, vâng lời + Thực hiện được một số quy định ở gia đình: Sau khi chơi biết xếp và cất đồ chơi, vâng lời bố mẹ. (áp dụng STEAM)	- Kính yêu Bác Hồ - Một số quy định ở trường, lớp và gia đình: - Trẻ chấp hành nội quy của lớp học + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi. + Vâng lời, yêu mến bố mẹ,

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			anh chị em ruột. - Chờ đến lượt.
	70	- Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
	71	- Trẻ biết chú ý nghe cô và các bạn nói .	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
	72	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn - Phối hợp với bạn trong nhóm chơi.
	73	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Trẻ có ý thức bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
	74	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận biết hành vi (đúng, sai, tốt, xấu)
5. Giáo dục Phát triển thẩm mỹ		5. Phát triển thẩm mỹ	5. Phát triển thẩm mỹ
	75	- Trẻ thể hiện sự vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	76	- Trẻ chú ý lắng nghe thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. - Trẻ biết lắng nghe giai điệu bài hát, biết hát 1 số câu hát của các vùng miền	- Thể hiện cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc, bài thơ, câu chuyện, đồng dao, ca dao. - Lắng nghe cô hát, hưởng ứng và thể hiện theo nhịp điệu của các bài hát, làn điệu dân ca các vùng miền, nhạc rap...
	77	- Trẻ thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm nghệ thuật.
	78	- Trẻ hát tự nhiên hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca bài

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	79	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, biết hát 1 số câu hát của các vùng miền	hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp, - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, làn điệu dân ca các vùng miền, nhạc rap...
	80	- Trẻ biết nhảy một số vũ điệu đơn giản	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp, - Dạy trẻ nhảy vũ điệu với các bài hát có trong chủ đề tương ứng theo lứa tuổi của trẻ
	81	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. (áp dụng STEAM)	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
	82	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	83	- Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	84	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	85	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	86	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. (áp dụng STEAM)	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
	87	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc .	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc
	88	- Trẻ biết tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.
	89	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm	- Đặt tên cho sản phẩm của

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		của mình (áp dụng STEAM)	mình

3. Độ tuổi 4 - 5 tuổi

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Giáo dục phát triển thể chất		1. Phát triển thể chất a. Phát triển vận động	1. Phát triển thể chất a. Phát triển vận động
	1	- Thực hiện đúng, đầy đủ, các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, tay, chân bụng, lườn.
	2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động.	- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn
	3	- Kiểm soát được vận động.	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc) - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60 - 80m.
	4	- Phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, bắt, chuyền bóng...	- Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần không làm rơi bóng (khoảng cách 3 m) - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Đập và bắt bóng tại chỗ - Tung bắt bóng với người đối diện - Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35-40cm

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			- Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm) - Bật tách khớp chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15 cm Nhảy lò cò 3m.
		- Phối hợp tay - mắt trong vận động ném	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).
		- Phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp	- Đập và bắt bóng tại chỗ
	5	- Thể hiện được nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện các bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây - Bò bằng bàn tay và bàn chân (3 - 4 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Bò chui qua cổng, ống dài 1.2m*0.6m. - Trèo qua ghề dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Ném xa bằng 2 tay - Nhảy lò cò 3m. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Bật xa - Ném trúng đích đứng
	6	- Thực hiện được các vận động: + Cuộn – xoay tròn cổ tay + Gập mở các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy: Gập đôi, gập ba, miết giấy
	7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -	- Gập đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		mắt trong một số hoạt động:	- Xếp chồng các hình khối - Xé dán giấy - Cắt đường thẳng, đường cong, đường bao - Xé: Xé dải, xé vụn, xé mảnh, xé theo đường bao - Gập giấy. - Lắp ghép hình - Tô, vẽ hình: Vẽ nét thẳng, nét xiên, nét thẳng ngang, tô màu - In bằng ngón tay, bàn tay, in đồ vật - Tắt sợi - Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây
		b. Dinh dưỡng sức khỏe	b. Dinh dưỡng sức khỏe
	8	- Cân nặng của trẻ 4 tuổi: Bé trai 14,1 kg đến 24,2 kg: Bé gái 13,7 đến 24,9	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối về cân nặng
	9	- Chiều cao của trẻ 4 tuổi: Bé trai từ 100.7 đến 119,2cm , bé gái 99,9 đến 118,9	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối về chiều cao
	10	- Biết được một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá...có nhiều chất đạm; rau quả chín có nhiều vi ta min .. (áp dụng STEAM)	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
	11	- Trẻ biết nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, gạo nấu cơm, thịt kho, rán, luộc...	- Nhận biết 1 số món ăn quen thuộc hàng ngày và cách chế biến đơn giản.
	12	- Trẻ biết được ích lợi của việc ăn uống để cao lớn, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất
	13	- Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Rèn luyện thao rửa rửa ta bằng

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		+ Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn . (áp dụng STEAM)	- xà phòng - Tập đánh răng, lau mặt - Tập thay quần áo khi bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	14	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn
	15	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: Uống nước đã đun sôi... Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu. Không uống nước lã.
	16	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ có một số hành vi tốt khi tham gia giao thông	- Rửa tay bằng xà phòng đúng cách, đeo khẩu trang, vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
	17	- Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
	18	Biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm như: hồ

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	nước, ao, bể chứa nước, giếng, sông, ... hoặc trèo qua cửa sổ, chui qua lan can
	19	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh và một số bệnh khác theo mùa khi được nhắc nhở như cá bệnh sởi, ho gà, sốt xuất huyết...dịch bệnh Covid 19 + Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông	- Nhận biết và tránh không làm những hành động nguy hiểm: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Vệ sinh răng miệng, mắt, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, đi dây khi đi học, thói quen rửa tay bằng xà phòng, đeo khẩu trang.... - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục với thời tiết - Lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm đối với giữ gìn sức khỏe con người. - Rửa tay bằng xà phòng đúng cách, đeo khẩu trang, vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
			+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....
			+ Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
			+ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			giáo
	20	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Hoặc sốt
			Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
			- Biết nói với cô giáo, người lớn khi thấy mệt, đau ốm, sốt.
2. Giáo dục phát triển nhận thức	2. Phát triển nhận thức		
	<i>a. Khám phá khoa học</i>		
	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
	21	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
			- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi.
		(áp dụng STEAM)	- Một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, và ích lợi, tác hại đối với con người.
			- Gọi tên 4 mùa, một vài đặc điểm nổi bật của từng mùa
	22	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng (áp dụng STEAM)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của hai con vật, cây, hoa, quả.
			- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
			- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			sinh hoạt của con người
			- Các nguồn nước trong môi trường sống.
			- Một số đặc điểm, tính chất của nước
			- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
			- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	23	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh	- Thử nghiệm với các sự vật, hiện tượng gần gũi với trẻ (VD: Thí nghiệm chìm nổi, pha màu, pha đường muối vào nước....)
	24	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng và những gì trẻ được quan sát.
	25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu
	Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
	26	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi
	27	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
	28	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
			- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi.
			- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người
			- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
			- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
			- Một số đặc điểm, tính chất của nước.
			- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
			- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	29	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình về các sự vật, hiện tượng.
	b, Làm quen với toán		
	Nhận biết số đếm, số lượng		
			- Hát một số bài hát về các sự vật hiện tượng
	30	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Số lượng 1 và 2
			- Số lượng 3
			- Số lượng 4
			- Số lượng 5
			- Số lượng 6
			- Số lượng 7
			- Số lượng 8
			- Số lượng 9
			- Số lượng 10
	31	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Số lượng 1 và 2
			- Số lượng 3
			- Số lượng 4
			- Số lượng 5
			- Đếm đến 6
			- Đếm đến 7
			- Đếm đến 8
			- Đếm đến 9
			- Đếm đến 10
	32	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	
			- Thêm, bớt 2 nhóm đối tượng và đếm.
			- Tách, gộp, đếm và so sánh
	33	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm
	34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	- Tách thành 2 nhóm trong phạm vi 4
			- Tách thành 2 nhóm trong phạm vi 5
	35	Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
	36	Trẻ biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe,...)
	Sắp xếp theo quy tắc		
	37	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
	So sánh hai đối tượng		
	38	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nó kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo
			- Đo dung tích bằng một đơn vị đo
	39	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	- Phân biệt hình vuông, hình chữ nhật
			- Phân biệt hình vuông, hình chữ nhật và hình tam giác
			- Phân biệt hình tròn và hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật
	40	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
	41	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Tay trái, tay phải

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
			- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)
			- Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới)
	42	- Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới)	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
c. Khám phá xã hội			
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp MN và cộng đồng			
	43	Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
	44	Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình
	45	Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	- Địa chỉ gia đình (Xóm – thôn – xã – huyện – tỉnh)
	46	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên trường, địa chỉ của trường, lớp mình. Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non
	47	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác trong trường.
	48	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, một vài đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
	49	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
	50	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Tên, đặc điểm nổi bật của một số lễ hội: Ngày khai giảng, ngày 20/10; ngày giỗ tổ, nhà giáo Việt Nam, ngày quốc tế PN....
	51	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		ở địa phương.	lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương: Miếu Tây, nghĩa trang liệt sĩ...
III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ			
Nghe và hiểu lời nói			
	52	Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 - 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày
	53	Trẻ biết hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ....	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật....
	54	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
			- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức
			- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
			- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày			
	55	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được
			- Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?”
			- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	56	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.
	57	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày
	58	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian
	59	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... - Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao về phương tiện giao thông. và luật lệ giao thông	- Đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về phương tiện và luật lệ giao thông

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	60	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc. - Trẻ biết phim hoạt hình, truyện tranh e-book về giáo dục an toàn giao thông - Trẻ xem phim hoạt hình, truyện, tranh e-book về an toàn giao thông nhân vật Bo, Ben, Bi	- Lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện - Tìm hiểu phim hoạt hình, truyện tranh e-book về giáo dục an toàn giao thông.
			- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
	61	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm
			- Đóng kịch - Kể lại truyện.
	62	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	63	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	Làm quen với việc đọc, viết		
	64	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem tranh ảnh và nghe đọc các loại sách khác nhau
	65	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
	66	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách
			- “Đọc” theo tranh vẽ.
			- Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu).
			- Phân biệt đầu, kết thúc của sách
			- Giữ gìn bảo vệ sách.
	67	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....)
	68	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Tập tô, đồ các nét chữ

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
Thể hiện ý thức về bản thân			
	69	Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính.
			- Sở thích, khả năng của bản thân.
	70	Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. Sở thích khả năng của bản thân.
Thể hiện sự tự tin, tự lực			
	71	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tham gia các góc chơi, biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn
	72	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Thực hiện các công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
			- Làm việc các nhân và phối hợp với bạn.
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
	73	Trẻ biết nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	74	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ của bản thân.
			- Thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.
	75	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Xem tranh ảnh về Bác Hồ, lăng Bác Hồ.
	76	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ
			- Hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ.
	77	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
	78	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau	- Một số quy định ở lớp, gia

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
	79	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi).
	80	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác, . Chú ý lắng nghe khi cần thiết
			- Không nói leo, không ngắt lời người khác
	81	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở
	82	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.
			- Chơi các trò chơi tập thể, chơi ở các góc
			- Phân công trực nhật
Quan tâm đến môi trường			
	83	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ chăm sóc con vật.
	84	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường
			- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	85	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc cây cối.
	86	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Ý thức trách nhiệm khi sử dụng: tiết kiệm điện, nước
V. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ			
		1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
	87	Trẻ biết thể hiện vui sướng, vỗ tay và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
	88	- Trẻ biết thích thú, chú ý lắng nghe, hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc) - Trẻ biết thích thú, chú ý lắng nghe, hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc theo các vùng miền khác nhau	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, làn điệu dân ca các vùng miền, nhạc rập...
	89	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
	Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
	90	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau
			- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát
	91	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)
	92	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình (vẽ, nặn, xé, dán)
	93	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
	94	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	- Sử dụng một số kĩ năng tạo hình đơn giản: vẽ các nét thẳng, xiên, ngang..., tô màu; xé, cắt... theo đường thẳng, đường cong ... tạo thành sản phẩm đơn giản.
	95	Trẻ biết làm lổm, dõ bẹt, bẻ lồi, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kĩ năng nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết
	96	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm	- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
		có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	97	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
	98	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc
	99	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát
	100	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
			- Nói được ý tưởng sản phẩm của bản thân
	101	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
	102	Trẻ biết nhảy một số vũ điệu sôi động đơn giản theo nhạc . .	Dạy trẻ nhảy 1 số vũ điệu theo nhạc sôi động theo chủ đề

4. Độ tuổi 5-6 tuổi

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất		1. Phát triển thể chất	1. Phát triển thể chất
		a. Phát triển vận động	a. Phát triển vận động
		- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, tay, chân bụng, lườn.
	2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi, đứng...	- Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi trên dây - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0.3m) một đầu kê cao 0.30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây - Bật - nhảy:

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
			+ Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.
	3	- Kiểm soát được vận : Đi chạy thay đổi hướng vận động đúng hiệu lệnh (Đổi ít nhất 3 lần)	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván kê dốc - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối - Đi nổi bàn chân, đi tiến, đi lùi - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
	4	- Phối hợp tay mắt trong vận động: Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) tung bắt bóng với cô, tự đập và bắt bóng...	- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m) - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay - Đi và đập bắt bóng - Đi, đập và bắt bóng này 4 -5 lần liên tiếp - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bóng tại chỗ - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân. - Trèo lên xuống 7 giống thang
	5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây, chạy

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		tổng hợp	chậm... - Chạy chậm khoảng 100 – 120m - Ném trúng đích (cao 1.5 m, xa 2 m)
			- Bò vòng qua 5- 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1.5m*0.6m - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế TD dài 1.5m*30cm
	6	- Thực hiện được các vận động : Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay - Bẻ, nắn, lắp ráp - Xé cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét
	7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	- Vẽ hình và sao chép chữ cái - Tự mặc, cởi được quần áo, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa, đóng mở phéc-mô-tuya, luồn, buộc dây. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ + Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu
		b. Dinh dưỡng sức khỏe	b. Dinh dưỡng sức khỏe
	8	- Cân nặng của trẻ 5 tuổi: Bé trai 15,9 đến 27,8 kg, bé gái từ 15, 3 kg đến 27,1 kg	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối về cân nặng
	9	- Chiều cao của trẻ 5 tuổi: Bé trai từ 106,1 đến 125,8 cm: Bé gái từ 104,9 đến 125,4 cm	- Trẻ ăn uống đủ chất, đủ lượng cho cơ thể khỏe mạnh phát triển hài hòa cân đối về chiều cao
	10	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm, + Thực phẩm giàu chất đạm:	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		Thịt, cá... + Thực phẩm giàu chất vitamin, muối khoáng rau, hoa, quả...(áp dụng STEAM)	
	11	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Một số loại bánh, hoa quả trong ngày tết trung thu
	12	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh: uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì) - Các đặc sản quê hương: kẹo lạc
	13	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:	- Tự đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
	14	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo	- Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
	15	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống: mời cô, mời bạn khi và ăn từ tốn.	- Mời cô ăn, mời bạn ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. Không nói chuyện trong khi ăn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường.
	16	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh như: Ho gà, bạch hầu, sởi, sốt xuất huyết.....	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, mắt sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, che miệng khi ho, hắt hơi, khi ngáp. Bỏ rác đúng nơi qui

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		+ Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông	định, không nhô bậy ra lớp - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm đối với giữ gìn sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt...nguyên nhân và cách phòng tránh.
	17	Trẻ biết thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19 để đảm bảo an toàn cho bản thân.	- Dạy trẻ biết giữ gìn bảo vệ môi trường vứt bỏ khăn giấy che mũi, miệng vào thùng rác, không khạc nhổ nơi công cộng. Che mũi miệng khi hắt hơi. Khi ngáp, thường xuyên mang khẩu trang đúng cách. Đồng thời vệ thân thể, súc miệng bằng nước muối, nước súc miệng thường xuyên, luôn sạch sẽ tắm rửa thường xuyên, rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng, nước sạch đúng cách và biết thực hiện sát dung dịch khử khuẩn, sau khi đi vệ sinh, sau khi hoạt động thể chất, sau khi ăn và khi tay bẩn ..
	18	- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	Tránh những hành động nguy hiểm và không chơi những vật dụng nguy hiểm như bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo...nói được mối nguy hiểm khi đến gần hoặc chơi những vật dụng đó.
	19	Trẻ biết những nơi nguy hiểm	Không chơi gần những nơi

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		và nói được mối nguy hiểm khi đến gần	nguy hiểm: ao, hồ, sông, giếng, bụi rậm...và nói được mối nguy hiểm khi đến gần Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..
	20	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và cách phòng tránh.	Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; Nhận biết rượu bia, cà phê, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc lá. - Không tự ý uống thuốc.
	21	Trẻ biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm, gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Tránh một số trường hợp không an toàn: Không đi theo, không Nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Gọi người lớn giúp đỡ, nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc...
	22	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Đi học đều, đúng giờ theo quy định. Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
			công, tường rào...
2. Phát triển nhận thức		2. Phát triển nhận thức	2. Phát triển nhận thức
		* Khám phá khoa học	* Khám phá khoa học
	23	Trẻ tò mò tìm tòi, thích khám phá hay đặt câu hỏi về các sự vật hiện tượng xung quanh	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh; Đặt câu hỏi tại sao, để làm gì, làm thế nào, khi nào...
	24	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng.	- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. - Quá trình phát triển của cây, con vật, diện tích sống của 1 số loại cây, con vật. - Nói được đặc điểm, công dụng, chất liệu và cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu - Một số quy định khi tham gia giao thông. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi... - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, bão lũ, gió, sấm chớp...)
	25	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. (áp dụng STEAM)	- Thử nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ. - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
	26	- Trẻ biết thu thập thông tin về	- Xem sách tranh ảnh, băng

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	27	đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. (áp dụng STEAM)	hình...về đối tượng từ đó trò chuyện và thảo luận về đối tượng đó. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Loại một đối tượng không cùng nhóm
	28	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. (áp dụng STEAM)	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc Mối liên hệ đơn giản một số loại cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối. Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	29	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Giải quyết các vấn đề đơn giản
	30	Trẻ biết đưa ra nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. (áp dụng STEAM)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả; Cách chăm sóc chúng - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	31	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	Các nguồn nước trong môi trường sống - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề
		* Làm quen với toán	c. Làm quen với toán
	32	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi..	Trả lời được các câu hỏi như : Tất cả bằng bao nhiêu? Đây là số mấy ?
	33	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	34	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
	35	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	36	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	37	Trẻ biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	38	Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
	39	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định.
	40	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
	41	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra các quy tắc sắp xếp. Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
	42	Trẻ sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		qua.	Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	43	Trẻ biết ghép các hình hình học bằng các cách khác nhau.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
	44	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. (áp dụng STEAM)	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ. So sánh và chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	45	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
	46	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ trong tuần. - Các mùa trong năm và nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống
		* Khám phá xã hội	* Khám phá xã hội
	47	- Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. Vị trí của trẻ trong gia đình.
	48	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Tên, tuổi, giới tính công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp và nơi làm việc của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
			câu của gia đình. Địa chỉ gia đình
	49	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	Địa chỉ, số nhà, đường, phố/thôn, xóm, xã, huyện, số điện thoại của gia đình.
	50	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường
	51	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Tên và công việc của các cô bác ở trường
	52	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	53	Trẻ nói được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng như chợ, trường học, trạm y tế...ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.
	54	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, đặc điểm, sự khác nhau, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề, nghề truyền thống của địa phương. Ví dụ: Nghề nuôi cá lồng, trồng cam canh, trang trại nuôi đà điểu, trang trại nuôi dê...
	55	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội..	Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội và hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: Lễ hội đình Bù Đê, chùa; Lễ hội đình Quan Trạng Vũ Tuấn Chiêu; lễ hội mùa xuân, Ngày hội đến trường của bé, bé vui tết trung thu.
	56	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ và giao tiếp.	57	3. Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp. * Nghe: - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	3. Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp. * Nghe: - Hiểu và làm theo được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động
	58	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát	- Hiểu các từ khái quát: đồ dùng gia đình, động vật, nghề nghiệp, phương tiện giao thông, thực vật... - Một số từ trái nghĩa: Nước nóng – lạnh, bút ngắn – dài...
	59	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao? như thế nào? Làm bằng gì? - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp
	60	Trẻ kể được rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Nói rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng.
	61	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	Sử dụng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm chỉ tên gọi, hành động, tính chất sự biểu cảm trong câu nói phù hợp với hoàn cảnh trong sinh hoạt hàng ngày. - Không nói tục chửi bậy
	62	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng câu đơn, câu ghép khác nhau. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	63	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Kể lại sự việc theo trình tự.
	64	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... - Trẻ đọc được bài thơ ca dao, đồng giao về phương tiện và luật lệ giao thông	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố phù hợp tuổi. - Đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố phù hợp tuổi. - Đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè về phương tiện và luật lệ giao thông
	65	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết trong nội dung truyện.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe và có thể thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...
	66	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch
	67	Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống..	Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: Cảm ơn, xin phép, xin lỗi, dạ, vâng, tạm biệt, xin chào... - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	68	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	69	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Đọc theo tranh truyện đã

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
			đồng. - Thích đọc những chữ đã biết có ở môi trường xung quanh Chữ cái có thể thay thế cho lời nói và các chữ viết ra có thể đọc được
	74	- Trẻ biết tô đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.
4. Giáo dục phát triển tình cảm và quan hệ xã hội		4. Phát triển tình cảm và quan hệ xã hội	4. Phát triển tình cảm và quan hệ xã hội
	75	Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Thông tin quan trọng của bản thân và gia đình.
	76	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân
	77	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân
	78	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
	79	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời người lớn, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo việc vừa sức.
	80	- Trẻ chủ động làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
	81	- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao và cố gắng thực hiện công việc đến cùng.
	82	- Trẻ biết được một số trạng	- Một số trạng thái cảm xúc

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	của người khác (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	83	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh
	84	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm và đồ chơi với bạn. - Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn
	85	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Xem tranh ảnh, video về Bác, về chỗ ở, nơi làm việc của Bác Hồ.
	86	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ.
	87	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Di tích lịch sử: Đền Quan Trạng Vũ Tuấn Chiêu; Đình Bù Đề; Chùa Già Độ....
	88	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	89	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn, biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà...
	90	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện
	91	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành đồ chơi của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
	92	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Trao đổi, thỏa thuận, quan tâm, chia sẻ, lắng nghe, giúp đỡ bạn khi tham gia hoạt động.
	93	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Kiểm chế những cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. - Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn
	94	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
	95	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Nhận ra các hình ảnh bỏ rác đúng nơi quy định. Biết rác là các loại: Vỏ bánh, vỏ kẹo, vỏ bim bim...
	96	- Trẻ biết nhắc nhở người khác	- Nhận xét và tỏ thái độ với

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	một số hành vi đúng - sai, tốt – xấu của con người đối với môi trường
	97	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường. Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
		5. Phát triển thẩm mỹ	5. Phát triển thẩm mỹ
	98	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Bài hát: Hát về Nam Định cùng anh; Hát về Nam Trục quê em.. ..
	99	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp)	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui hay buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc.. - Thể hiện cảm xúc phù hợp khi nghe các bài thơ, câu chuyện
	100	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình
	101	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	102	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Trẻ biết thích thú, chú ý lắng nghe, hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc theo các vùng miền khác nhau	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, làn điệu dân ca các vùng miền, nhạc rap...
	103	- Trẻ biết nhảy 1 số vũ điệu theo nhạc sôi động	- Dạy trẻ nhảy vũ điệu với các bài hát có trong chủ đề tương ứng theo lứa tuổi của trẻ.
	104	- Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. (áp dụng STEAM)	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	105	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	106	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục
	107	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	108	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	109	- Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. (áp dụng STEAM)	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	110	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích
	111	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ	- Sử dụng các dụng cụ âm

Tên giáo dục	STT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		theo tiết tấu tự chọn.	nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu tự chọn trong các bài hát, bản nhạc.
	112	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên được ý tưởng trong sản phẩm tạo hình của mình. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
	113	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình, cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát -

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khung thời gian:

- Nhà trẻ thực hiện Chương trình 35 tuần/năm học.

2. Chủ đề giáo dục:

2.1. Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi

STT	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Tuần	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Trường mầm non (5 tuần) Tết Trung Thu	- Ôn tập	- 6/9/2024 - 06/09/2024		
		- Lớp nhà trẻ của bé.	09/9 - 13/09/2024	1	
		- Tết trung thu	- 16/9 - 20/9/2024	2	Trang trí đèn lồng giấy/ Đèn ông sao... (5E)
		- Đồ chơi trong lớp bé	- 23/9 - 27/9/2024	3	
		- Các cô bác trong trường mầm non.	- 30/09 - 04/10/2024	4	
2	Chủ đề 2: Bé và các bạn (4 tuần) - Ngày 20/10	- Bé là ai	- 07/10 - 11/10/2024	5	
		- Chân đẹp - Tay xinh của bé (Ngày 20/10)	- 14/10 - 18/10/2024	6	Nhận biết 1 số bộ phận trên cơ thể (5E)
		- Bạn trai - bạn gái	- 21/10 - 25/10/2024	7	Xâu vòng tặng bạn (5E)

		- Những món ăn bé thích	- 28/10 - 01/11/2024	8	
3	Chủ đề 3: Gia đình thân yêu (4 tuần) Ngày hội của các Thầy cô giáo 20/11	- Bố mẹ của bé.	- 04/11 - 8/11/2024	9	
		- Bé yêu mọi người trong gia đình	11/11 - 15/11/2024	10	
		- Ngày hội của cô giáo	18/11 - 22/11/2024	11	Xâu vòng tặng cô giáo (5E)
		- Đồ dùng gia đình bé	25/11 - 29/11/2024	12	Nhận biết 1 số đồ dùng ăn uống (5E)
4	Chủ đề 4: Những con vật đáng yêu (5 tuần) - Lễ Giáng sinh; Ngày hội của các chú bộ đội 22/12)	- Nhà bé nuôi con vật có 2 chân đẻ trứng nào?	02/12 - 06/12/2024	13	Nhận biết con gà /Con vịt/con (5E)
		- Nhà bé nuôi con vật có 4 chân đẻ con nào?	09/12 - 13/12/2024	14	Nhận biết con chó/con mèo...5E)
		- Con vật sống dưới nước (Ngày hội của các chú bộ đội 22/12)	16/12 - 20/12/2024	15	Nhận biết con cá/ Con tôm/ con cua...(5E)
		- Bé biết những con vật sống trong vườn bách thú (Lễ Giáng sinh)	23/12 - 27/12/2025	16	
5	Chủ đề 5: Tết và mùa xuân (3 tuần) (- Tết nguyên đán; Lễ hội mùa xuân; TL Đảng 3/2; Tết trồng cây	- Ngày Tết vui vẻ (Tết Dương lịch)	30/12 - 03/01/2025	17	
		- Mùa xuân với bé	06/01 - 10/01/2025	18	
		- Bé yêu hoa đào, hoa mai	13/01 - 17/01/2025	19	Trang trí hoa đào (5E) Kết thúc kì I
		- Hoa, quả bánh ngày Tết.	20/01 - 24/01/2025	20	Bắt đầu kì II
		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN	27/01 - 31/01/2025 (28/12/2025)		
6	Chủ đề 6: Cây và những bông hoa đẹp.	- Ôn tập	03/02 - 07/02/2025		
		- Một số cây xanh trong trường bé	10/02 - 14/02/2025	21	
		- Những bông hoa đẹp	17/02 - 21/02/2025	22	Dán hoa tặng mẹ (EDP)

	(5 tuần) Ngày hội 8/3	- Các loại quả bé thích	24/02 - 28/02/2025	23	Nhận biết quả cam (5E)
		- Bé vui chào mừng ngày hội 8/3	03/03 - 07/03/2025	24	Dán hoa tặng mẹ (5E)
		- Một số loại rau củ quả	10/03 - 14/03/2025	25	Nhận biết củ cà rốt/ su hào/ Củ cải...(5E)
7	Chủ đề 7: Giao thông (4 tuần); Ngày 26/3	- Bé đến trường bằng phương tiện giao thông nào?	17/03 - 21/03/2025	26	Làm bánh ô tô (EDP)
		- Phương tiện giao thông đường thủy	24/03 - 28/03/2025	27	
		- Phương tiện giao thông đường hàng không	31/03 - 04/04/2025	28	
		- Bé đi qua ngã tư đường phố	07/04 - 11/04/2025	29	Nhận biết màu xanh,đỏ (EDP)
8	Chủ đề 8: Mùa hè với bé. (3 tuần)	- Nước với bé?	14/04 - 18/04/2025	30	
		- Thời tiết mùa hè.	21/04 - 25/04/2025	31	Làm nước ép bưởi (5E)
		- Một số hoạt động trong mùa hè	28/04 - 02/05/2025	32	
9	Chủ đề 9: Bé lên mẫu giáo. (2 tuần) Ngày 30/04; 01/05 Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5; 1/6	- Lớp mẫu giáo 3 tuổi của bé.	05/05 - 09/05/2025	33	
		- Bác Hồ kính yêu	12/05 - 16/05/2025	34	
		- Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	19/05 - 23/05/2025	35	
		Ôn tập	26/05- 30/05/2025		Kết thúc năm học
Tổng	35 tuần				

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2024-2025

2. Độ tuổi 3-4 tuổi

Stt	Chủ đề chính	Cd nhánh	TG thực hiện	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Trường mầm non	- Bé vui đến trường mầm non	- 6/9/2024 - 13/09/2024	
		- Trường MN của bé	16/9 -	- Dự án: Làm

Stt	Chủ đề chính	Cđ nhánh	TG thực hiện	Ghi chú
	(4 tuần) - Ngày hội đến trường của bé; Tết trung thu	+ Tết TT	20/9/2024	đèn lồng
		- Lớp bé có những quy định gì?	23/9 - 27/9/2024	
		- Các cô bác trong trường mầm non.	30/09 - 04/10/2024	
2	Chủ đề 2: Bản thân (3 tuần)	- Bé là ai	07/10 - 11/10/2024	
		- Các giác quan và cách bảo vệ các giác quan (- Ngày 20/10)	- 14/10 - 18/10/2024	- HĐ: Làm kính mắt
		- Những món ăn bé thích	21/10 - 25/10/2024	STEAM: EDP – Làm bánh trôi ; Làm sữa chua
3	Chủ đề 3: Gia đình thân yêu (3 tuần)	- Ngôi nhà của bé rất đáng yêu	- 28/10 - 01/11/2024	
		- Gia đình thân thương của bé.	- 04/11 - 8/11/2024	- HĐ: Làm khung ảnh gia đình
		- Đồ dùng gia đình bé.	- 11/11 - 15/11/2024	
4	Chủ đề 4: Nghề nghiệp (5 tuần) Ngày 20/11; Ngày 22/12 ngày TLQĐ NDVN	- Bé vui chào mừng ngày hội của các cô giáo	- 18/11 – 22/11/2024	- HĐ: Làm thiệp tặng cô giáo
		- Những nghề bé biết	- 25/11 - 29/11/2024	
		- Nghề sản xuất	- 02/12 - 06/12/2024	- HĐ: KP Hạt cơm
		- Ước mơ của bé	- 09/12 - 13/12/2024	
		- Ngày hội của các chú bộ đội	- 16/12 - 20/12/2024	- HĐ: Làm thiệp tặng các chú bộ đội
5	Chủ đề 4: Thế giới động vật (4 tuần) + Lễ Noen	- Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật nuôi + Noen	- 23/12 - 27/12/2024	- HĐ: Làm chuồng cho các con vật nuôi
		- Bé yêu thích một số con vật sống trong rừng	- 30/12 - 03/01/2025	- HĐ: Làm hang cho hổ
		- Một số con vật sống dưới nước.	- 06/01 - 10/01/2025	
		- Côn trùng và chim	- 13/01 - 17/01/2025	- Dự án: Làm tổ chim

Stt	Chủ đề chính	Cđ nhánh	TG thực hiện	Ghi chú
6	Chủ đề 6: Thế giới thực vật (4 Tuần) Tết ND; Ngày TL đảng 3/2	- Bé vui đón Tết và mùa xuân	- 20/01 - 24/01/2025	
		NGHỈ TẾT ND	- 27/01 - 31/01/2025 (28/12/2025)	
		- Ôn tập	- 03/02 - 07/02/2025 (06/01/2025)	
		- Lễ hội mùa xuân	- 10/02 - 14/02/2025	- HĐ: Làm hộp trồng cây
		- Bé biết các loại cây trong trường	- 17/02 - 21/02/2025	- Dự án: Làm xe ô tô
		- Một số loại rau, hoa, quả	- 24/02 - 28/02/2025	
7	Chủ đề 7: Giao thông (5 tuần) Ngày 8/3	- Bé vui chào mừng ngày hội 8/3	- 03/03 - 07/03/2025	- HĐ: Làm thiệp chúc mừng cô giáo; làm thiệp tặng bà, tặng mẹ
		- Một số phương tiện giao thông đường bộ	- 10/03 – 14/03/2025	
		- Một số phương tiện giao thông đường thủy	- 17/03 - 21/03/2025	- HĐ: Làm thuyền nổi trên sông
		- Một số phương tiện giao thông đường hàng không	- 24/03 - 28/03/2025	
		- Một số biển báo, luật giao thông đường bộ đơn giản.	- 31/03 – 04/04/2025	- HĐ: Làm biển báo giao thông
8	Chủ đề 8: Nước và một số hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	- Sự kì diệu của nước	- 07/04 - 11/04/2025	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 14/04 - 18/04/2025	
		- Mùa hè tuyết rơi	- 21/04 - 25/04/2025	
		- Ngày và đêm	- 28/04 - 02/05/2025	
9	Chủ đề 9: Quê hương đất nước Bác Hồ (3 tuần) Ngày sinh nhật BH	- Quê hương yêu dấu	- 05/05 - 09/05/2025	
		- Bác Hồ kính yêu	- 12/05 - 16/05/2025	
		- Đất nước Việt Nam diệu kì	- 19/05 - 23/05/2025	

Stt	Chủ đề chính	Cđ nhánh	TG thực hiện	Ghi chú
		Ôn tập	26/05/30/05	
	Tổng	35		

4. Độ tuổi 4-5 tuổi

STT	Chủ đề chính	Cđ nhánh	Tg thực hiện	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Trường mầm non (4 tuần) Ngày tết TT 15/8	- Bé vui đến trường mầm non	- 6/9/2024 - 13/09/2024	- HĐ: Làm đồ chơi : làm xích đu đồ chơi ...
		- Trường MN+ Tết TT của bé	- 16/9 - 20/9/2024	HĐ: Làm đèn lồng (5E)
		- Lớp bé có những quy định gì?	- 23/9 - 27/9/2024	- HĐ: Chiếc chuông gió
		- Các cô bác trong trường mầm non.	- 30/09 - 04/10/2024	
2	Chủ đề 2: Bản thân (3 tuần) Ngày 20/10	- Bé là ai	- 07/10 - 11/10/2024	
		- Các giác quan và cách bảo vệ các giác quan + Ngày 20/10	- 14/10 - 18/10/2024	- HĐ: Làm hộp ngửi với các mùi hương khác nhau
		- Những món ăn bé thích	- 21/10 - 25/10/2024	- HĐ: Làm bánh mì kẹp;
3	Chủ đề 3: Gia đình thân yêu (3 tuần)	- Ngôi nhà của bé rất đáng yêu	- 28/10 - 01/11/2024	- HĐ: Làm cây gia đình
		- Gia đình thân thương của bé	- 04/11 - 8/11/2024	- HĐ: Làm nước giải khát cho bữa tiệc gia đình
		- Đồ dùng gia đình bé	- 11/11 - 15/11/2024	- HĐ: Cách sử dụng dao (5E)
4	Chủ đề 4: Nghề nghiệp (5 tuần) Ngày hội của các cô giáo 20/11	- Bé vui chào mừng ngày hội của các cô giáo	- 18/11 – 22/11/2024	Làm tranh sáng tạo tặng cô từ NVL thiên nhiên
		- Những nghề bé biết	- 25/11 - 29/11/2024	
		- Nghề sản xuất	- 02/12 - 06/12/2024	
		- Ước mơ của bé	- 09/12 - 13/12/2024	- HĐ: Cùng làm kĩ sư
		- Ngày hội của các chú bộ đội	- 16/12 - 20/12/2024	- HĐ: Làm bưu thiếp tặng chú bộ đội
5	Chủ đề 5: Thế giới	- Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật nuôi +	- 23/12 - 27/12/2024	- HĐ:

	động vật (4 tuần) Ngày hội của các chú bộ đội 22/12	Lễ Noen		
		- Bé yêu thích một số con vật sống trong rừng	- 30/12 - 03/01/2025	- HĐ: Làm khu bảo tồn thiên nhiên cho động vật hoang dã
		- Một số con vật sống dưới nước.	- 06/01- 10/01/2025	
		- Côn trùng và chim	- 13/01 - 17/01/2025	
6	Chủ đề 6: Thế giới thực vật (4 Tuần) Tết ND; Lễ hội mùa xuân	- Bé vui đón Tết và mùa xuân	- 20/01 - 24/01/2025	
		- NGHỈ TẾT ND	- 27/01 - 31/01/2025 (28/12/2025)	
		Ôn tập	03/02 - 07/02/2025 (06/01/2025)	
		- Lễ hội mùa xuân	- 10/02 - 14/02/2025	
		- Một số loại rau, hoa, quả	- 17/02 - 21/02/2025	
		- Bé yêu cây xanh	- 24/02 - 28/02/2025	
7	Chủ đề 7: Giao thông (5 tuần) Ngày hội 8/3	- Bé vui chào mừng ngày hội 8/3	- 03/03 - 07/03/2025	
		- Một số phương tiện giao thông đường bộ		
		- Một số phương tiện giao thông đường bộ	- 10/03 – 14/03/2025	
		- Một phương tiện giao thông đường thủy	- 17/03 - 21/03/2025	
		- Một phương tiện giao thông đường hàng không	- 24/03 - 28/03/2025	
8	Chủ đề 8: Nước và một số hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	- Một số biển báo, luật giao thông đường bộ.	- 31/03 – 04/04/2025	
		- Sự kì diệu của nước	- 07/04 - 11/04/2025	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 14/04 - 18/04/2025	- HĐ: Thiết kế Cầu vồng nhiều màu sắc
		- Mùa hè tuyệt vời	- 21/04 - 25/04/2025	
		- Ngày và đêm	- 28/04 - 02/05/2025	- HĐ: Khám phá ánh sáng và vùng bóng tối

9	Chủ đề 9: Quê hương đất nước Bác Hồ (3 tuần) Ngày sinh nhật BH 19/5	- Quê hương yêu dấu	- 05/05 - 09/05/2025	
		- Bác Hồ kính yêu	- 12/05 - 16/05/2025	
		- Đất nước Việt Nam điều kì	- 19/05 - 23/05/2025	
		- Ôn	- 26/05 - 30/05/2025	
Tổng: 35 tuần				

3. Độ tuổi 5-6 tuổi

STT	Chủ đề chính	CD nhánh	TG thực hiện	Ghi chú (hỗ trợ dự án giáo dục steam)
1	Chủ đề 1: Trường mầm non (4 tuần) Ngày tết TT	- Ngày hội đến trường của bé	- 6/9/2024 - 13/09/2024	- HĐ: làm đồ chơi sáng tạo sử dụng nam châm - HĐ: Thiết kế đồ chơi để tặng bạn.
		- Trường MN của bé + Tết TT	- 16/9 - 20/9/2024	- Truyện: Bạn mới. - HĐ: Làm dụng cụ âm nhạc phát ra được âm thanh - HĐ: Làm đèn ông sao
		- Lớp MG thân yêu của bé	- 23/9 - 27/9/2024	- HĐ: Làm chiếc ghế đứng được - Trò chuyện về lớp học của bé
		- Các cô bác trong trường mầm non.	- 30/09 - 04/10/2024	
2	Chủ đề 2: Bản thân (3 tuần) + Ngày 20/10	- Bé là ai	- 07/10 - 11/10/2024	Dự án: làm bàn tay roobot cử động được
		- Cơ thể đáng yêu của bé + Ngày 20/10	- 14/10 - 18/10/2024	- HĐ: Làm kính mắt - HĐ: làm thiệp tặng cô giáo (bà, mẹ, em, chị gái)
		- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	- 21/10 - 25/10/2024	- HĐ: Làm trà sữa, thạch hoa quả
3	Chủ đề 3: Gia đình thân yêu (3 tuần)	- Ngôi nhà gia đình bé ở	- 28/10 - 01/11/2024	- HĐ: Làm cây gia đình - HĐ: Cắt, dán ngôi nhà. - HĐ: Máy lọc nước mini
		- Gia đình thân thương của bé	- 04/11 - 8/11/2024	- Dự án: Xây nhà cho búp bê
		- Đồ dùng gia đình bé	- 11/11 - 15/11/2024	- HĐ: Vẽ lọ hoa.

				- HĐ: làm khung ảnh gia đình đứng được
4	Chủ đề 4: Nghề nghiệp (4 tuần) Ngày hội của các cô giáo	Bé vui chào mừng ngày hội của các cô giáo	- 18/11 – 22/11/2024	- HĐ: Trang trí bức tranh để tặng cô giáo
		- Những nghề bé biết	- 25/11 - 29/11/2024	- HĐ: Vẽ bác sĩ.
		- Nghề sản xuất	- 02/12 - 06/12/2024	- Dự án làm cái cuốc - HĐ: Trẻ đóng kịch chuyện “Hai anh em”
		- Ước mơ của bé	- 09/12 - 13/12/2024	
5	Chủ đề 5: Thế giới động vật (5 tuần) Ngày hội của các chú bộ đội 22/12	- Ngày hội của các chú bộ đội	- 16/12 - 20/12/2024	- HĐ: Cắt dán cái mũ tặng chú BĐ
		- Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật nuôi + Lễ Noen	- 23/12 - 27/12/2024	- HĐ: Cắt, dán con mèo
		- Bé yêu thích một số con vật sống trong rừng	- 30/12 - 03/01/2025	- HĐ: Làm khu bảo tồn thiên nhiên cho động vật hoang dã - HĐ: Làm con thỏ bằng khăn bông. - HĐ: Trẻ đóng kịch chuyện “Chú Dê Đen”
		- Một số con vật sống dưới nước.	- 06/01 - 10/01/2025	- HĐ: Vẽ đàn vịt đang bơi. - HĐ: Cắt, dán con cá
		- Côn trùng và chim	- 13/01 - 17/01/2025	- HĐ: Cắt, dán con ong; con chim
6	Chủ đề 6: Thế giới thực vật (4 Tuần) - Tết Nguyên Đán; Lễ hội mùa xuân; Ngày TL đảng 3/2	- Bé vui đón Tết và mùa xuân (Tết nguyên đán)	- 20/01 - 24/01/2025	- HĐ: Xé dán cây hoa
		NGHỈ TẾT NĐ	- 27/01 - 31/01/2025 (28/12/2025)	
		Ôn tập	- 03/02 - 07/02/2025 (06/01/2025)	
		- Lễ hội mùa xuân	- 10/02 - 14/02/2025	
		- Một số loại rau, hoa, quả	- 17/02 - 21/02/2025	- HĐ: Tìm hiểu về một số loại rau. - HĐ: Làm cây thẳng đứng, tự tưới - Đo các đối tượng có

				kích thước khác nhau bằng một đơn vị đo - Thước đo.
		- Bé yêu cây xanh	24/02 - 28/02/2025	- HĐ: Gấp, cắt các loại hoa. - Dạy trẻ thao tác đo độ dài một đối tượng.
7	Chủ đề 7: Giao thông (4 tuần) - Ngày hội 8/3	- Bé vui chào mừng ngày hội 8/3	- 03/03 - 07/03/2025	- HĐ: Cắt dán ô tô tải. - HĐ: Làm thuyền nổi trên mặt nước
		- Một số phương tiện giao thông đường bộ	- 10/03 - 14/03/2025	- HĐ: Làm bưu thiếp để tặng mẹ
		- Bé phân nhóm phương tiện giao thông theo từng đường giao thông	17/03 - 21/03/2025	- HĐ: Thiết kế các loại phương tiện giao thông.
		- Một số biển báo, luật giao thông đường bộ	- 24/03 - 28/03/2025	- HĐ: Làm biển báo giao thông
8	Chủ đề 8: Nước và một số hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	- Sự kì diệu của nước	- 31/03 - 04/04/2025	- HĐ: Làm thí nghiệm vật chìm - vật nổi
		- Mùa hè tuyệt vời	- 07/04 - 11/04/2025	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 14/04 - 18/04/2025	- HĐ: Cắt dán bầu trời đêm tối. - HĐ: Thiết kế Cầu vồng nhiều màu sắc - HĐ: Làm đám mây bằng bông
9	Chủ đề 9: Quê hương đất nước Bác Hồ (3 tuần)	- Quê hương yêu quý	- 21/04 - 25/04/2025	- Dự án: Xây dựng “Làng xóm quê hương em”
		- Đất nước Việt Nam diệu kì	28/04 - 02/05/2025	Đóng kịch: Cây tre trăm đốt
		- Bác Hồ kính yêu	- 05/05 - 09/05/2025	- HĐ: Trang trí ảnh Bác Hồ.
10	Chủ đề 10: Trường tiểu học (2 tuần); Ngày 19/5	- Những đồ dùng bé cần chuẩn bị khi vào lớp 1	- 12/05 - 16/05/2025	- HĐ: Làm “Đồ dùng của học sinh lớp 1”.
		- Bé tham quan trường Tiểu học	- 19/05 - 23/05/2025	- HĐ: Cắt, dán trường tiểu học.

	ngày sinh nhật BH	Ôn tập	26/05- 30/05/2025	
Tổng: 35 tuần				

IV. CÁC GIẢI PHÁP

- Phối hợp với phụ huynh: Tăng cường sự tương tác với gia đình để theo dõi sức khỏe, dinh dưỡng và hỗ trợ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Cải tiến chế độ dinh dưỡng: Xây dựng thực đơn dinh dưỡng cân đối, phù hợp lứa tuổi, phù hợp theo mùa, theo tình hình của trường, của địa phương, đảm bảo tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bồi dưỡng chuyên môn: Tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn cho giáo viên về phương pháp giảng dạy các môn học và nâng cao kỹ năng giảng dạy, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- 2/2 tổ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng vào tuần 2, tuần 4 hàng tháng

- Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên về công tác nuôi dưỡng như: cách sơ chế, chế biến thực phẩm, cách sử dụng các thiết bị dụng cụ nhà bếp, đảm bảo vệ sinh ATTP cho trẻ.

- Kiểm tra và đánh giá định kỳ: Thực hiện các hoạt động kiểm tra sức khỏe, đánh giá sự phát triển của trẻ và cải thiện chất lượng giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Đa dạng hóa các hoạt động ngoài trời, thăm quan thực tế trong nhà trường, để trẻ có cơ hội trải nghiệm, học hỏi.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Hiệu trưởng: Phụ trách chung

2. Phó hiệu trưởng: Đ/c Bùi Thị Thanh Huyền

- Phụ trách chuyên môn.

- Phụ trách nuôi dưỡng; Phụ trách CSVC

- Phụ trách phần mềm cơ sở dữ liệu, công tác thống kê về CSVC.

- Tham gia các hoạt động chuyên môn chung của trường.

- Tham gia trực tiếp hoạt động giáo dục 4 tiết trên tuần.

- Thực hiện XHHGD.

3. Tổ chuyên môn (Có danh sách phân công kèm theo)

- Đ/c Tô Thị Liên - Tổ trưởng tổ nhà trẻ xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ

- Đ/c: Phạm Thị Hiền - Tổ trưởng tổ Mẫu giáo xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ

- Giáo viên: Thực hiện kế hoạch giáo dục, theo dõi sát sao tình hình học tập và sức khỏe của trẻ, theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ theo kỳ, theo chủ đề...

- Nhân viên bếp: Thực hiện chế độ dinh dưỡng đảm bảo chế biến chất lượng, an toàn thực phẩm theo thực đơn của trường.

4. Danh sách các thành viên

STT	Họ và tên	Năm vào viên chức	Trình độ CM	Nhiệm vụ được giao	Kết quả thi đua năm học 2023-2024	Đăng ký thi đua năm học 2024-2025
1	Đoàn Thị Thúy Hằng	2021	ĐHSP	HT – phụ trách Chung	LĐTT	CSTĐ Cấp cơ sở
2	Bùi Thị Thanh Huyền	2012	ĐHSP	PHT – phụ trách CM	LĐTT	GKUBND Huyện
3	Tô Thị Liên	2021	ĐHSP	TTCM NT GV1-2A	LĐTT	CSTĐ cơ sở
4	Bùi Thị Mến	2021	ĐHSP	TP NT; GV1-2B	CSTĐ cơ sở	LĐTT
5	Nguyễn Thị Ánh	2012	ĐHSP	GV2-2C	LĐTT	CSTĐ cơ sở
6	Nguyễn Thị Thơ	2012	CĐSP	GV 2 – 2A	LĐTT	LĐTT
7	Mai Bích Việt	2012	ĐHSP	GV 2 - 2 B	LĐTT	CSTĐ CS
8	Phạm Thị Nhài	2012	TCSP	GV 2 - 2 C	LĐTT	LĐTT
9	Phạm Thị Hiền	2012	ĐHSP	Phó BTCB; TTCM MG; GV1-5A	LĐTT	CSTĐ CS
10	Ngô Thị Tươi	2021	ĐHSP	TP MG; GV1- 4C	LĐTT	CSTĐ CS
11	Vũ Thị Hợp	2021	CĐSP	CTCĐ; GV1-5C	LĐTT	CSTĐ CS
12	Đoàn Thị Thúy Hằng	2021	ĐHSP	GV 2- 5A	LĐTT	LĐTT
13	Phạm Thị Hồng Duyên	2021	CĐSP	GV 1- 5B	CSTĐCS	LĐTT
14	Hoàng Thị Huyền	2012	ĐHSP	GV 2- 5B;	LĐTT	LĐTT

STT	Họ và tên	Năm vào viên chức	Trình độ CM	Nhiệm vụ được giao	Kết quả thi đua năm học 2023-2024	Đăng ký thi đua năm học 2024-2025
				TQ		
15	Vũ Thị Thúy	2021	CĐSP	GV 2- 5C	GKUBND Huyện	LĐTT
16	Nguyễn Thị Tường Vi	2012	CĐSP	GV 1- 4A	LĐTT	CSTĐCS
17	Nguyễn Thị Hảo	2020	ĐHSP	GV 2 – 4A	CSTĐCS	LĐTT
18	Nguyễn Thị Hay	2012	ĐHSP	BTTND; GV 1- 4B	LĐTT	LĐTT
19	Vũ Thị Mùi	2012	ĐHSP	GV 2- 4B	CSTĐCS	LĐTT
20	Phan Thị Hương	2023	ĐHSP	GV 1- 4C	LĐTT	LĐTT
21	Trần Văn Anh	2012	CĐSP	GV 2- 4C	LĐTT	LĐTT
22	Đoàn Thị Nhài	2012	ĐHSP	BTCĐ; GV 1- 4D	LĐTT	LĐTT
23	Vũ Thị Mai	2024	CĐSP	GV 2- 4D	LĐTT	LĐTT
24	Đỗ Thị Thanh Hoa	2012	ĐHSP	GV1-3A	LĐTT	CSTĐCS
25	Vũ Thị Thắm	2023	ĐHSP	GV2- 3A	LĐTT	LĐTT
26	Phạm Thị Trang	2023	CĐSP	GV1-3B	LĐTT	LĐTT
27	Nguyễn Thị Thu	2021	ĐHSP	GV 2- 3B	LĐTT	LĐTT

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học của trường mầm non Nam Hùng yêu cầu các tổ chuyên môn, giáo viên các lớp bám sát các nội dung để xây dựng kế hoạch của lớp cho phù hợp. Nếu có gì thay đổi Ban giám hiệu sẽ điều chỉnh và thống nhất vào các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tháng./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thúy Hằng